

Tập 91

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm sáu mươi một.

(Sớ) Nạn thoát giả, Nguyên mật, Trương Sĩ Thành công Hồ Châu, Giang Chiết thừa tướng dữ chiến, cầm tứ thập nhân, tù phạm tổng lục, dạ túc Tây Hồ Diệu Khòa Tự. Đại Du Mưu thiền sư, từ bộ lang hạ, tù kiến Sư thần quán nhàn nhã, trì tụng bất chuyết, nhân cầu cứu bặt. Sư giáo linh chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, trung hữu tam nhân tín thọ kỳ ngữ, niệm bất tuyệt khẩu. Thiên hiểu phát tù, dịch già tỏa, chí tam nhân, hình cụ bất túc, duy hệ dĩ thăng, ký nhi thâm cúc, tri lương dân bị lỗ giả, tội đắc thích.

(疏)難脫者，元末張士誠攻湖州，江浙丞相與戰，擒四十人，囚檻送戮，夜宿西湖鳥窠寺。大猷謀禪師，徐步廊下，囚見師神觀閒雅，持誦不輟，因求救拔。師教令至心念南無救苦救難阿彌陀佛，中有三人信受其語，念不絕口。天曉發囚，易枷鎖，至三人，刑具不足，惟繫以繩，既而審鞫，知良民被虜者，遂得釋。

(Sớ: Thoát nạn: Cuối đời Nguyên, Trương Sĩ Thành tấn công Hồ Châu, Thừa Tướng đánh nhau với hắn tại miền Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam vào tù xa, đưa đi hành hình. Đến đêm, [xe tù] nghỉ tại chùa Diệu Khòa ở Tây Hồ. Thiền sư Đại Du Mưu đi thông dong trên hành lang, tù nhân thấy Sư dáng vẻ nhàn nhã, trì tụng không ngớt; do vậy, bèn cầu Sư cứu giúp. Sư dạy họ hãy chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, trong số ấy có ba người tin nhận lời Ngài, niệm không ngớt tiếng. Tới sáng, giải tù nhân đi, thay gông xiềng, tới ba người ấy, không đủ gông cùm, chỉ trói bằng thừng. Thầm vấn cận kề, biết họ là lương dân bị bắt, họ bèn được thả).

Đây là nói tới điều cảm ứng cuối cùng, tức “phu tù thoát nạn” (bị giam cầm được thoát nạn). Khi gặp phải tai nạn, niệm Phật, niệm Bồ Tát, cảm ứng rất nhiều. Chúng ta thấy điều này không chỉ được ghi chép trong nhiều bộ cảm ứng lục, mà trong bút ký của cổ nhân cũng thấy hết

sức nhiều, như trong cuốn Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiểu Lam cũng ghi chép không ít. Ở đây cũng là nêu đại lược một điều, tức là một chuyện vào đời Nguyên. Khi ấy, Trương Sĩ Thành¹ cát cứ một phương, về sau bị Châu Nguyên Chương tiêu diệt, lúc ấy, thế lực của hắn khá lớn. Hồ Châu thuộc tỉnh Giang Tô. Trong chiến tranh loạn lạc, chẳng ít dân lành bị bắt làm tù binh. Có kẻ làm loạn, mà cũng có dân lành lẫn lộn trong các tù binh, mỗi người nghiệp lực khác nhau. Do những tù binh ấy bị nhốt trong phòng trống của nhà chùa, nên có thể gặp pháp sư, đây là công nghiệp của chúng sanh. Những kẻ ngộ nạn ấy cầu pháp sư giúp đỡ, pháp sư có thể giúp đỡ bằng cách khuyên họ niệm Phật. Thông thường chúng ta gặp tai nạn đều niệm “*Nam-mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát*”, ở đây là Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật, tôi tin bản thân thiên sư Đại Du Mưu nhất định là một người niệm Phật tu Tịnh Độ. Nếu không, Sư chẳng dạy họ niệm A Di Đà Phật.

Do vậy biết: Trong khi chúng ta gặp tai nạn, có cần phải niệm Quán Âm Bồ Tát hay không? Bị bệnh, có cần phải niệm Dược Sư Phật hay chăng? [Nếu gặp tai nạn bèn niệm Quán Âm Bồ Tát, bị bệnh niệm Dược Sư Phật] thì dường như mỗi vị Phật hay Bồ Tát cai quản một chuyện [nhất định]! Từ chỗ này, chúng ta hiểu: Bình thường chúng ta tu pháp môn này, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Bản Tôn của chúng ta, gặp tai nạn cũng vậy, mà bị bệnh tật cũng thế, thấy đều niệm A Di Đà Phật, chắc chắn hữu hiệu! Hiệu quả do đâu mà có? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: “*Chỉ thành cảm thông*”. Người bình thường cầu

¹ Trương Sĩ Thành (1321-1387) là một tướng lãnh nghĩa quân chống lại Mông Cổ sống vào cuối đời Nguyên, quê ở Câu Trường (nay là thành phố Đại Phong, tỉnh Giang Tô). Họ Trương vốn làm nghề gánh muối. Năm Chí Chánh (1353) cùng với các em là Trương Sĩ Nghĩa, Trương Sĩ Đức, Trương Sĩ Tín và Lý Bá Thăng kéo cờ khởi nghĩa, được dân chúng ủng hộ, chiếm được vùng Thái Châu, Hưng Hóa, Cao Bru của tỉnh Giang Tô. Năm 1354, Trương Sĩ Thành xưng đế ở Cao Bru, đặt quốc hiệu là Đại Châu, tự xưng là Thành Vương, lấy niên hiệu là Thiên Hựu. Tháng Chín năm ấy, Thái Sư kiêm Tả Thừa Tướng Thoát Thoát của nhà Nguyên dẫn binh tấn công Cao Bru, đánh bại Trương Sĩ Thành. Trương Sĩ Thành đang lúc bó tay chịu chết thì Nguyên Thuận Đế nghe lời sàm tấu, tức đoạt binh quyền của Thoát Thoát, khiến Trương Sĩ Thành thừa dịp đánh bại quân Nguyên, chiếm đến Tô Châu. Một đối thủ quan trọng của Trương Sĩ Thành thuở ấy là Châu Nguyên Chương đã xưng đế ở Nam Kinh cũng tấn công Trương Sĩ Thành ráo riết. Trương Sĩ Thành phải xin xưng thần, nhưng Châu Nguyên Chương từ chối. Đến năm 1357, họ Trương phải chịu nhận tước phong nhà Nguyên. Tuy vậy, cuộc tranh giành quyền lực giữa Trương Sĩ Thành và Châu Nguyên Chương vẫn dằng dai mãi cho đến năm 1367 khi Tô Châu thất thủ, Trương Sĩ Thành bị họ Châu giải về Nam Kinh và bị xử tử hình.

Phật, cầu Bồ Tát chẳng hiệu quả, vì tâm họ chẳng chân thành. Vì sao biết tâm họ chẳng chân thành? Họ cầu rất nhiều Phật, Bồ Tát, tâm họ sẽ chẳng chân thành. Nếu tâm chân thành, chỉ cầu một vị Phật hay Bồ Tát mà quý vị thường chuyên niệm, đến lúc ấy, nhất định có linh nghiệm. Chúng ta niệm đoạn này, phải hiểu rõ đạo lý này. Tục ngữ có câu: “Thành tắc linh” (thành kính ắt linh thiêng), chẳng thành kính sẽ không linh; niệm chú, vẽ bùa đều chẳng ra ngoài lệ này! Niệm chú, vẽ bùa bằng lòng Thành đều linh, huống hồ chúng ta niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát? Chẳng còn nghi hoặc gì nữa!

Học Phật, đâu là nghiên cứu kinh giáo, cũng phải một môn thâm nhập. Học nhiều, tinh thần lẫn sức lực của chúng ta bị phân tán, muốn đạt thành tựu rất khó! Từ xưa tới nay, hề học phải “chuyên công” (chuyên dốc công sức nơi một bộ kinh); thí dụ như chúng ta dùng thời gian mười năm để chuyên môn học bộ kinh Di Đà này, “chuyên công” nơi một bộ kinh Di Đà này, mười năm không ngừng đọc tụng, diễn giảng, nghiên cứu, thảo luận, sau mười năm ấy, quý vị sẽ là chuyên gia kinh A Di Đà, chẳng có ai sánh bằng quý vị, vì sao? Quý vị có hạ thủ mười năm công phu [nghiên cứu, học tập] bộ kinh này. Một kẻ khác, trong mười năm nghiên cứu mười bộ kinh, thoạt nhìn chẳng ít, rất nhiều! Mỗi năm nghiên cứu một bộ, đối với mỗi bộ kinh, người ấy đều liễu giải ngoài da, thiếu chiều sâu! Nếu mười năm nghiên cứu hai mươi bộ, ba mươi bộ, càng chẳng cần phải nói nữa! Tôi nghĩ mọi người đều có thể hiểu rõ đạo lý này, quý vị hãy suy nghĩ kỹ lưỡng: Chúng ta phải nên dùng thái độ gì để học Phật?

Xưa nay, các vị đại đức có thành tựu đều là suốt đời dốc công sức nơi một bộ. Thời cổ, như ngài Thanh Lương suốt đời dốc hết công phu nơi kinh Hoa Nghiêm, Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lần. Trí Giả đại sư chuyên dốc công sức nơi Pháp Hoa. Vào đời Đường, Nam Sơn Luật Tổ là ngài Đạo Tuyên Luật Sư ở núi Chung Nam chuyên dốc công sức nơi Tứ Phần Giới Luật. Tứ Phần Luật² là một bộ sách rất lớn.

² Tứ Phần Luật (Dharmagupta-vinaya), còn gọi là Đàm Vô Đức Luật Tạng là một bộ luật gồm sáu mươi quyển, do các vị Trúc Phật Niệm, Phật Đà Da Xá v.v... cùng dịch tại Trường An từ năm 410 đến 412 vào thời Diêu Tần. Đây là giới luật được truyền thừa theo truyền thống Pháp Tạng Bộ của Thượng Tọa Bộ tại Ấn Độ. Bộ luật này được chia thành bốn phần: 1. Luật tỳ-kheo 2. Luật tỳ-kheo-ni 3. Nói về những quy định thông thường trong sinh hoạt như Tụ Tứ, quần áo, thuốc men, y Ca Thi Na v.v... 4. Những quy định về phòng ốc, điều bộ Tỳ Ni v.v... Theo truyền thống, bộ luật này được coi là do tôn giả Pháp Chánh (Dharmagupta, còn phiên âm là Đàm Vô Đức) hội tập từ giới bản được lưu truyền trong Thượng Tọa Bộ. Sau khi bộ luật này

Ngài nghe giảng hơn hai mươi lần, người ta có tinh thần như vậy. Nơi nào giảng Tứ Phần Luật, Ngài tìm đến đó chỉ để nghe kinh, kinh giảng xong Ngài mới rời đi. Cận đại, pháp sư Viên Anh chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, từ năm hai mươi lăm tuổi Ngài đã dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm mãi cho đến năm bảy mươi mấy tuổi mới hoàn thành bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa. Do công sức cả đời, Ngài mới có thành tựu to lớn ngàn ấy. Cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời chuyên dồn sức nơi kinh Kim Cang, bốn mươi năm dốc công phu nơi kinh Kim Cang, từ xưa tới nay chẳng ai giảng kinh Kim Cang hay hơn ông ta được. Một bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông ta là bản chú giải kinh Kim Cang có uy tín nhất, người ta dụng công sâu dày, bốn mươi năm mà! Đối với một bộ Tâm Kinh, Tâm Kinh gồm hai trăm sáu mươi chữ, cư sĩ Châu Chỉ Am³ cũng dùng bốn mươi năm công phu, viết thành tác phẩm Tâm Kinh Thuyên Chú. Đây là chú giải Tâm Kinh đầy uy tín, từ xưa đến nay không có một ai có thể vượt trội ông ta được! Do vậy, bất luận là giải môn hay hành môn đều phải chuyên công thì mới có thể thu được hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây nói tới niệm Phật, trong số tù nhân có ba người oan uổng, họ là lương dân, họ tin tưởng; còn kẻ làm ác chẳng tin. Nếu chúng ta hỏi: Giả sử bọn họ tin tưởng, có được cứu hay chẳng? Họ tin tưởng, chắc chắn được cứu. Đoạn kế tiếp sẽ nói về kẻ ác đặc độ. Những kẻ ấy đều có thể vãng sanh, đều được cứu vớt, tôi nghĩ trong một đời này, chắc chắn, chúng ta [vãng sanh] chẳng có vấn đề gì!

(Huyền Nghĩa) Hựu phục ác nhân tắc Thiện Hòa thập niệm, địa ngục hiện nhi hóa Phật không nghênh. Súc sanh tắc cù dục xưng

được dịch sang tiếng Hán, vẫn chưa được phổ biến, mãi đến đời Bắc Ngụy Văn Đế, ngài Pháp Thông Luật Sư bắt đầu hoằng truyền, môn nhân là Đạo Phú viết sớ giải. Sau đây, các vị Huệ Quang, Trí Thủ tiếp tục hoằng dương Tứ Phần Luật. Môn nhân của ngài Trí Thủ là Đạo Tuyên Luật Sư đã hệ thống hóa, biên tập, chú giải hoàn chỉnh Tứ Phần Luật, khiến cho Tứ Phần Luật có ảnh hưởng lớn nhất đối với Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tứ Phần Luật Xan Phiền Bồ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên là một tác phẩm trọng yếu để nghiên cứu Tứ Phần Luật.

³ Châu Chỉ Am (1781-1839), tên thật là Châu Tế, tự là Bảo Tự và Giới Tồn, hiệu Vị Trai; về già lấy hiệu là Chỉ Am, người xứ Kinh Khê tỉnh Giang Tô (nay là huyện Tuyên Hưng). Ông đỗ Tiến Sĩ năm Gia Khánh thứ mười (1805), văn chương trác tuyệt, được coi là một nhà văn học nổi tiếng thời ấy. Ngoài tác phẩm Tâm Kinh Thuyên Chú, ông còn để lại những tác phẩm nổi tiếng như Giới Tồn Trai Luận Từ Táp Trước, Phổ Lược, Tổng Tứ Gia Từ Tuyền v.v...

đanh, hình hài yểm nhi liên hoa địa phát. Hà hương thân vô trọng thối, báo tại tối linh, tín nguyện huân tu, ninh thành hư khí?

(玄義)又復惡人則善和十念，地獄現而化佛空迎。畜生則鳩鵲稱名，形骸掩而蓮華地發。何況身無重慝，報在最靈，信願熏修，寧成虛棄。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, kẻ ác như Thiện Hòa mười niệm, tướng địa ngục hiện mà hóa Phật đón rước trên không. Súc sanh như con yểng xưng danh, xác đã vùi mà đất trở hoa sen. Hương chi con người là hạng tối linh, thân không vương tội ác nặng nề, tín nguyện huân tu, há thành luống uổng?)

Chúng ta xem lời chú giải.

(Sớ) Ác nhân giả.

(疏)惡人者。

(Sớ: Kẻ ác).

Đây là một câu chuyện rất nổi tiếng, ai này đều hay biết.

(Sớ) Đường Trương Thiện Hòa, đồ ngư vi nghiệp.

(疏)唐張善和，屠牛為業。

(Sớ: Đời Đường, Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu).

Vào đời Đường, ông Trương Thiện Hòa làm đồ tể, giết trâu, cả đời đã mổ trâu, bán thịt trâu chẳng biết đến bao nhiêu!

(Sớ) Lâm chung, kiến quần ngư sách mạng, ư thị đại bố.

(疏)臨終，見群牛索命，於是大怖。

(Sớ: Lâm chung, thấy lũ trâu đến đòi mạng; do vậy, hết sức kinh hoảng).

Khi lâm chung, ông ta thấy nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Khi ấy, ông ta sợ hãi, biết nhân quả báo ứng chẳng sai mảy may!

(Sớ) Hoán kỳ thê vân: “Tốc diên Tăng vị ngã niệm Phật”.

(疏) 喚其妻云：速延僧為我念佛。

(Sớ: Gọi vợ: “Mau thỉnh Tăng niệm Phật cho ta”).

Ông ta bảo vợ thỉnh người xuất gia mau đến siêu độ ông ta. Theo như Vãng Sanh Truyện ghi chép, khi ông ta gào to “cứu mạng”, gặp duyên tốt đẹp, nhân duyên thù thắng, khéo sao có một vị xuất gia hóa duyên đi qua cửa, nghe tiếng ông ta kêu, hỏi: “Chuyện gì?” Vợ ông ta thỉnh vị xuất gia ấy vào trong nhà. Ông ta cho biết nhiều kẻ đầu trâu tới đòi mạng!

(Sớ) Dụ vân: “Kinh trung thuyết lâm chung ác tướng hiện giả, chí tâm niệm Phật, tức đắc vãng sanh”.

(疏) 諭云：經中說臨終惡相現者，至心念佛，即得往生。

(Sớ: Vị Tăng khuyên nhủ: “Kinh dạy khi lâm chung tướng ác hiện ra, hãy chí tâm niệm Phật liền được vãng sanh”).

Vị xuất gia ấy bảo ông ta: Theo như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã dạy, Ngũ Nghịch, Thập Ác là tội nghiệp to lớn, nặng nề, khi lâm chung niệm Phật cũng có thể vãng sanh.

(Sớ) Hòa vân: “Địa ngục chí”.

(疏) 和云：地獄至。

(Sớ: Thiện Hòa nói: “Tướng địa ngục hiện ra rồi”).

Trương Thiện Hòa kêu to: “Tướng địa ngục hiện tiền”. Nói cách khác, ngay lập tức ông ta phải đọa địa ngục .

(Sớ) Cấp thủ hương lô lai, tức dĩ hữu thủ kinh hỏa, tả thủ niệm hương, diện Tây chuyên thiết niệm Phật, vị mãn thập thanh, tự ngôn “Phật lai nghêh ngữ”, tức hóa khứ.

(疏) 急取香鑪來，即以右手擎火，左手拈香，面西專切念佛，未滿十聲，自言佛來迎我，即化去。

(*Sớ*: *Vội cầm lấy lò hương, liền dùng tay phải giữ lửa, tay trái cầm hương, mặt hướng về phương Tây, chuyên nhất, thiết tha niệm Phật, chưa đầy mười tiếng, tự nói: “Phật đến đón ta”, liền mất*).

Ngay lập tức cầm lấy lò hương, nắm trên tay một vốc hương, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật. Chưa đầy mười tiếng, ông ta nói: “Chẳng thấy người đầu trâu nữa! Phật đến rồi!” Ông ta theo Phật ra đi. Đây là một ví dụ hết sức tốt đẹp, đây là kẻ làm ác lâm chung niệm Phật vãng sanh; nhưng phải nói rõ chuyện này cùng quý vị, quý vị từng thấy có mấy ai khi lâm chung sáng suốt, tỉnh táo như thế hay chẳng? Đây là điều kiện tiên quyết. Nếu khi lâm chung, chẳng nhận biết một ai, sẽ chẳng thể cứu được!

Trương Thiện Hòa có đại phước báo, phước báo ấy đã tu trong đời trước. Tu trong đời trước là như kinh Di Đà đã dạy: “*Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo*” (lúc lâm chung, tâm không điên đảo). Do vậy, kinh Di Đà dạy chúng ta hai chuyện. Thứ nhất là “*nhất tâm bất loạn*”, đó là quyết định thành tựu. Chỉ cần đắc nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thích đi lúc nào bèn đi lúc ấy, muốn ở lại thế giới này thêm mấy năm bèn ở thêm mấy năm, chắc chắn chẳng trở ngại, đến đi tự do, đó là đắc nhất tâm bất loạn. Chưa đắc nhất tâm bất loạn thì điều kiện quan trọng nhất là “*tâm bất điên đảo*”. Khi quý vị sắp mất, phải tỉnh táo, sáng suốt, như vậy thì mới nắm chắc vãng sanh. Nếu lâm chung đau khổ, hoặc hôn mê, bất tỉnh, như vậy thì chẳng có cách nào cả, thậm chí trợ niệm cũng chẳng có cách nào! Do vậy, con người trong một đời phải nên tu phước, chớ nên hưởng phước, chớ nên hưởng sạch một chút phước báo ấy, hưởng hết thì khi lâm chung sẽ chẳng có phước!

Trong quá khứ, tôi đã thấy không ít kẻ phú quý, tuổi trẻ đắc chí, trung niên đắc chí, tha hồ hưởng thụ, gọi một tiếng, trăm kẻ thừa, đến tuổi xế bóng suy sụp, ngay cả một kẻ hầu hạ, chăm sóc cũng chẳng có! Giặt áo, nấu cơm đều phải tự mình làm lấy, đáng thương vô cùng! Khi người ấy đắc chí, trong nhà kẻ hầu mười mấy, hai mươi người, vẫn sợ hầu hạ chẳng trọn vẹn; lúc tuổi xế chiều, chuyện gì tự mình cũng đều phải làm, ra phố mua thức ăn cũng tự mình xách giỏ lê bước. Tôi đã thấy rất nhiều, hưởng hết phước rồi! Tình hình lúc người ấy chết [như thế nào] có thể suy ra được, lẽ nào có thể tỉnh táo, sáng suốt được? Chẳng thể nào!

Do vậy, nhất định phải biết tu phước, mong sao khi lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, chúng ta niệm Phật chắc chắn có thể vãng sanh. Đợi

ngiệp vãng sanh phải cậy vào sát-na lâm chung ấy! Như Trương Thiện Hòa tỉnh táo đường ấy là do thiện căn tu hành trong nhiều đời nhiều kiếp, khi đó, [thiện căn ấy] bèn hiện tiền. Suốt đời chẳng nghe Phật pháp, lâm chung được nghe, chịu tin tưởng, chịu chuyên tâm niệm; do vậy, lúc lâm chung mười niệm hay một niệm cũng có thể vãng sanh, đây là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh. Ngàn vạn phần phải ghi nhớ, quyết chẳng thể mang tâm lý cầu may. Đọc câu chuyện này, [bèn lâm tưởng] chẳng có gì phải gấp rút! Cả đời này tạo ác thêm một chút, chẳng sao cả! Lâm chung vẫn còn kịp. Nếu quý vị suy tưởng như vậy, lầm lẫn quá đỗi! Khi quý vị lâm chung, có thể bảo đảm tỉnh táo, sáng suốt như ông Trương Thiện Hòa hay chẳng? Có bảo đảm khi ấy sẽ có thiện tri thức tới giúp đỡ quý vị hay không? Do vậy, chớ nên mang tâm lý cầu may! Phải sốt sắng niệm Phật. Nhất là trong thời đại hiện đại này, tai nạn bất ngờ rất nhiều, bản thân chúng ta có đảm bảo cả đời chẳng gặp phải hay chẳng? Tai nạn đột nhiên xảy đến, làm thế nào đây? Do vậy, bình thường phải nghiêm túc nỗ lực niệm Phật, niệm Phật có thể tiêu tai miễn nạn. Dầu đại kiếp nạn xảy đến, cũng có thể tỉnh táo, sáng suốt niệm Phật vãng sanh, đây là công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Súc sanh giả.

(疏) 畜生者。

(Sớ: Súc sanh).

Đoạn này nói về súc sanh niệm Phật vãng sanh. Chuyện này rất kỳ quái, nhưng cũng không ít, cổ nhân đã viết một quyển sách có tựa đề Vật Do Như Thử (loài vật mà còn như thế) chuyên môn ghi chép chuyện súc sanh vãng sanh tại Trung Quốc trong các thời đại.

(Sớ) Tống Hoàng Nham Chánh Đẳng Tự, Quán Công, súc cù dục.

(疏) 宋黃巖正等寺，觀公，畜鳩鵲。

(Sớ: Đời Tống, Quán Công thuộc chùa Chánh Đẳng xứ Hoàng Nham nuôi một con yêng).

Chùa tên là Chánh Đẳng. Pháp danh của vị xuất gia này chẳng ghi chép trọn vẹn, tôn xưng Ngài bằng một chữ⁴ là Quán Công. Sư nuôi một con “cù dục” (con yêng), chúng ta thường gọi nó là “bát ca” (八哥). Bát ca có thể nói được.

(Sớ) Thường niệm Phật bất tuyệt.

(疏) 常念佛不絕。

(Sớ: Thường niệm Phật chẳng dứt).

Trong chùa, mọi người dạy nó niệm Phật, nó cũng biết niệm Phật.

(Sớ) Nhất nhật lập hóa lung thượng, Quán táng chi.

(疏) 一日立化籠上，觀葬之。

(Sớ: Một hôm, nó đứng chết trong lồng, Quán Công đem chôn).

Có một hôm nó vãng sanh, đứng chết trong lồng, pháp sư đem nó đi chôn.

(Sớ) Dĩ nhi thổ thượng xuất tử liên hoa nhất đóa.

(疏) 已而土上出紫蓮華一朵。

(Sớ: Nhưng trên mặt đất trở một đóa sen tím).

Chôn dưới đất, chưa được mấy hôm, trên cuộc đất ấy mọc lên một đóa hoa sen màu tím. Pháp sư nghĩ đây là tướng lành rất tốt đẹp, muốn biết đóa sen ấy có phải từ thân con yêng mọc ra hay chăng, liền bói đất xem thử.

(Sớ) Tâm thổ trung, tắc hoa tùng thiệt đoan nhi phát.

(疏) 尋土中，則華從舌端而發。

(Sớ: Tìm trong đất thì ra hoa mọc từ lưỡi con chim).

⁴ Đây là thói quen của Phật môn Trung Hoa, nhằm tỏ lòng tôn kính, ít khi gọi đủ pháp danh hay pháp hiệu mà chỉ gọi tên bằng chữ đầu (nếu đồng thời có nhiều vị cùng chữ thì gọi bằng chữ thứ hai trong pháp danh), chẳng hạn tổ Huệ Viễn được gọi là Viễn Công, tổ Ấn Quang được gọi là Ấn Công hay Ấn Tổ, hòa thượng Khai Như núi Phổ Đà được gọi là Khai Công, pháp sư Đệ Nhân được gọi là Đệ Công v.v...

Quả nhiên đúng như vậy, hoa sen ấy mọc từ lưỡi của con chim bé ấy.

(Sớ) *Linh Chi Chiếu Luật Sư, vị chi tán, hữu “lập vong lung bệ hồn nhân sự, hóa tử liên hoa dã thái kỳ” chi cú.*

(疏)靈芝照律師，為之讚，有「立亡籠閉渾閒事，化紫蓮華也太奇」之句。

(Sớ: Ngài Linh Chi Chiếu luật sư soạn bài tán, trong ấy có câu: “Đứng chết trong lồng nào hiếm lạ, hóa sanh sen tím thật hy kỳ”).

Đây là một vị xuất gia sống vào đời Tống chuyên môn nghiên cứu giới luật, trong Luật Tông gọi Ngài là Linh Chi Luật Tổ⁵. Ngài thấy chuyện này, bèn đặc biệt viết một bài văn để tán thán. Súc sanh đạo vãng sanh là chuyện bình thường, từng nghe nói rất nhiều, chẳng hiếm lạ! Cuống lưỡi biến thành hoa sen tím, chuyện này rất hiếm lạ. Đây là nói về thời xưa.

Trong cuốn băng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất, pháp sư Đàm Hư có kể nhiều chuyện vãng sanh hiện thời. Ngài có nhắc tới chuyện một con gà trống vãng sanh. Khi pháp sư Đế Nhân làm phương trượng chùa Đầu Đà, trong chùa có nuôi một con gà trống. Con gà trống ấy mỗi ngày đều theo đại chúng tụng kinh sớm tối, nó cũng theo đại chúng đến trai đường. Mọi người ăn cơm, cơm, rau rơi xuống đất nó đều nhặt ăn hết, ăn sạch sành sanh. Có một hôm lên tụng kinh, sau khi tụng kinh xong, mọi người đều rời khỏi, con gà trống ấy không đi. Thầy Hương Đăng xưa nó đi: “Mọi người đi hết rồi, ta phải đóng cửa, người hãy mau đi ra”. Con gà trống to ấy không đoái hoài tới thầy ấy, đi tới

⁵ Linh Chi Nguyên Chiếu (1048-1116) là người Dư Hàng (nay là Dư Huyện tỉnh Chiết Giang), họ Đường, tự Trại Nhiên, hiệu An Nhân Tử. Xuất gia từ nhỏ, mười tám tuổi đã được thọ Cụ Túc Giới, học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng dốc chí nơi giới luật. Về sau, Sư lễ ngài Quảng Từ xin thọ Bồ Tát Giới, nối pháp Nam Sơn Chánh Truyền. Trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085), Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật, về già, dời sang chùa Linh Chi, ở đó suốt ba mươi năm, cõi đời gọi ngài là Linh Chi Tôn Giả. Khi mất, được vua ban thụy hiệu Đại Trí Luật Sư. Những tác phẩm chủ yếu của Ngài là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký (chú giải bộ Hành Sự Sao của tổ Đạo Tuyên).

giữa đại điện, đứng ở đây, ngهن cò nhìn tượng Phật, kêu ba tiếng, rồi đứng chết ngay ở đó. Pháp sư Đé Nhân chiếu theo lễ tiết dành cho người xuất gia hỏa táng nó. Đây là chuyện súc sanh vãng sanh mà lão pháp sư Đàm Hư đích thân chứng kiến. Con người nếu chẳng khéo niệm Phật sẽ thua cả súc sanh! Công đức lợi ích vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nói bất tận, quý vị hãy khéo nghe lời khai thị của Đàm lão pháp sư.

(Sớ) Như thượng trì danh sở cử, tự phi quang xuất Phật chí thử.

(疏) 如上持名所舉，自飛光出佛至此。

(Sớ: Những điều cảm ứng do trì danh như vừa nêu trên đây, từ phóng ra quang minh hiện hình tướng Phật cho đến chỗ này).

Thiện Đạo đại sư niệm Phật một tiếng, trong miệng tỏa ra một tia sáng, chuyện này đã được nhắc tới trong phần trước, cho đến tận chỗ này, hết thấy đều là nói về chuyện cảm ứng.

(Sớ) Diệc thiên vạn trung kỷ nhất nhi dĩ.

(疏) 亦千萬中紀一而已。

(Sớ: Cũng chỉ là ghi chép một phần trong ngàn vạn phần đó thôi).

Ngàn vạn người và động vật vãng sanh, nêu đại lược một hai trường hợp để chứng minh mà thôi!

(Sớ) Thắc giả, ác chi nặc ư tâm giả dã.

(疏) 慝者，惡之匿於心者也。

(Sớ: “Thắc” là trong tâm ẩn giấu điều ác).

Trong tâm có sự đại ác; tham, sân, si, mạn đều là đại ác.

(Sớ) Tối linh giả, nhân vi vạn vật chi linh dã. Mạt phục kết ngôn, ác nhân niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống ác vị tất như Thiện Hòa.

(疏) 最靈者，人為萬物之靈也。末復結言，惡人念佛，尚得往生，何況惡未必如善和。

(Sớ: “Tối linh”: Con người linh thông nhất trong muôn loài. Cuối cùng, lại kết luận rằng: Kẻ ác niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ kẻ chưa chắc đã ác như Thiện Hòa).

Chưa tạo tội nghiệp nặng nề như ông Trương Thiện Hòa.

(Sớ) Súc sanh niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống linh nhi hiệu vi nhân loại. Dĩ thử tỷ hưởng, tri tất sanh dã.

(疏)畜生念佛，尚得往生，何況靈而號為人類。以此比況，知必生也。

(Sớ: Súc sanh niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ loài người được gọi là “tối linh”. Dùng điều này để so sánh, liền biết [người chân thật niệm Phật] ắt được vãng sanh).

Chúng ta nhìn vào những sự tích này hãy nên giác ngộ. Trừ phi bản thân chúng ta chẳng chịu phát tâm, chứ chịu phát tâm niệm Phật, đời này, chúng ta nhất định vãng sanh, đây là chuyện thiên chân vạn xác (ngàn vạn phần xác đáng). Các vị đồng học có rất nhiều người mới vừa học Phật, [thấy] tông phái Phật pháp nhiều, pháp môn nhiều, kinh điển nhiều, khởi sự tu tập từ chỗ nào? Chẳng thể không lưu ý điều này. Nếu vừa bắt đầu tu tập bèn tìm được đúng cửa ngõ, quý vị sẽ thành tựu nhanh chóng. Thành tựu không chỉ nhanh mà còn cao. Tìm trật cửa ngõ, chắc là suốt cả đời này vẫn chẳng thể thành tựu, đi theo khá nhiều con đường oan uổng. Đây là điều phải lưu ý lúc khởi đầu. Trong tất cả các pháp môn, thành tựu trong một đời, ai nấy đều có thể thành tựu, không gì hơn pháp môn Niệm Phật.

Kinh Di Đà tuy đơn giản, kinh văn chẳng dài, nhưng từng câu từng chữ chứa đựng vô lượng nghĩa. Chúng ta đọc bản chú giải này, quý vị cầm trên tay một cuốn sách chú giải kinh Di Đà to như thế, trong đó, chúng tôi chọn lựa ba tác phẩm chú giải. Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư bác đại tinh thâm, gồm có bốn quyển, hôm nay chúng ta giảng đến đây là quyển thứ nhất. Giảng chưa xong quyển thứ nhất mà đã mất chín mươi một buổi giảng rồi. Lần này là lần thứ ba chúng tôi giảng Sớ Sao, lần thứ hai chúng tôi có giữ lại băng thâu âm, mỗi băng dài chín mươi phút, một bộ kinh A Di Đà là ba trăm ba mươi lăm băng. Do vậy, mọi người ngàn vạn phần đừng xem rẻ kinh Di Đà, chớ nên nghĩ pháp môn này đơn giản!

Trong quá khứ, thầy Lý giảng một bộ kinh Lăng Nghiêm ở Đài Trung, giảng xong từ đầu tới cuối cũng chẳng hơn một trăm ba mươi sáu giờ. Chúng tôi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao một lượt đã giảng hơn năm trăm giờ, đó là lần giảng thứ hai. Giảng lần này tỉ mỉ hơn lần trước, tốn thời gian càng nhiều hơn! Do vậy, khinh dễ pháp môn Niệm Phật tức là thiếu phước báo; chọn lựa pháp môn này tức là quý vị thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày.

Bản thân tôi học Phật hơn ba mươi năm, trong quá khứ chẳng hiểu, mò mẫm khắp nơi, cũng mò mẫm khá nhiều kinh luận, tới cuối cùng mới biết pháp môn Niệm Phật tốt đẹp. Trong đạo tràng giảng kinh, tôi chỉ giảng hai bộ kinh là kinh Di Đà và Tứ Thập Hoa Nghiêm. Lần này vì các đồng học giảng Tứ Thập Nhị Chương Kinh, nhằm giúp đỡ những vị học giảng kinh, mong mỗi quý vị sẽ nhờ vào Tứ Thập Nhị Chương Kinh mà dấy lên hứng thú học Phật. Nếu thật sự học Phật, nhất định phải niệm kinh Di Đà, nhất định phải tu pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) Tín nguyện huân tu, sở tác đường quyên, vô hữu thị xứ.

(疏) 信願熏修，所作唐捐，無有是處。

(Sớ): “Tín nguyện huân tu”: *Tu tập pháp môn này mà phí uổng là chuyện chẳng bao giờ có).*

“Đường quyên” có nghĩa là uổng phí. Chỉ cần quý vị tin tưởng, phát nguyện, sốt sắng niệm Phật, niệm Phật gọi là “huân tu”, ngày đêm chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, cứ một mực niệm, đó gọi là “huân tu”. Nếu nói quý vị làm chuyện này vô ích thì chẳng có lẽ ấy! Chắc chắn là đạt được công đức lợi ích thù thắng!

Ngũ, kết khuyến.

(Huyền Nghĩa) Thị dĩ nhất âm thử xướng, thiên Phật đồng canh. Tam học cao tăng, cứu lưu danh đức, nhược u, nhược hiển, nhược thánh, nhược phạm, như vạn thủy vô bất triều Đông, tự quần tinh tất giai củng Bắc, phương chi tiệp kính, hiệu viết Phổ Môn, khởi hư ngữ tai! Quyết chí cầu sanh, vô dung nghĩ nghĩ giả hĩ.

五，結勸。

(玄義)是以一音始唱，千佛同慶。三學高僧，九流名德，若幽若顯，若聖若凡，如萬水無不朝東，似群星悉皆拱北，方之捷徑，號曰普門，豈虛語哉。決志求生，無容擬議者矣。

(Năm là kết luận, khuyên lơn.

Huyền Nghĩa: *Do vậy, một tiếng vừa đề xướng, ngàn vị Phật cùng tiếp lời. Bạc cao tăng Tam Học, các vị danh đức trong cửu lưu, dù u hay hiển, dù thánh hay phàm, như muôn dòng nước, không dòng nào chẳng xuôi về Đông, dường các ngôi sao đều châu về phương Bắc, đây mới là đường tắt, được gọi là Phổ Môn, há phải lời lẽ rỗng tuếch ư? Hãy quyết chí cầu được vãng sanh, chớ nên băn khoăn, bàn định chi nữa!)*

“*Canh*” (慶) là tiếp tục. Qua mấy câu này, Liên Trì đại sư đã tận tình khuyên bảo, khích lệ chúng ta hãy chọn lựa pháp môn này, nghiêm túc tu học. Xin quý vị đọc lời chú giải:

(Sớ) Thử tổng kết Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết chúng sanh sở quy y dã.

(疏) 此總結淨土法門，一切眾生所皈依也。

(Sớ: *Đây là tổng kết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn được hết thảy chúng sanh quy y).*

Chữ “*thử*” chỉ ba dòng văn tự trước dòng này. Pháp môn này có thể nói là đã được đề xướng đầu tiên trong hội Hoa Nghiêm. Trong Phật giáo Trung Quốc, kinh Hoa Nghiêm được mọi người công nhận là “*căn bản pháp luân*”, [tức là] hết thảy các kinh đều là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, mà cũng là cành nhánh của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây, Hoa Nghiêm là căn bản, hết thảy các kinh đều là cành nhánh sanh từ căn bản này, ta sẽ hiểu địa vị được chiếm lãnh bởi kinh Hoa Nghiêm trong Phật pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm giảng tới hai ngàn pháp môn, bao gồm Hiển, Mật các tông. Kinh ấy to lớn, giảng rất chi tiết, giảng rất nhiều, nhưng cuối cùng kết quy nơi pháp môn Niệm Phật. Văn Thủ Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ,

Thiện Tài đồng tử cũng tu pháp môn Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Trong năm mươi ba lần tham học, tuy tham phỏng khá nhiều các tông phái và pháp môn bất đồng, sau khi tiếp xúc với họ, Thiện Tài đồng tử vẫn như như bất động, vẫn là nhất tâm niệm Phật. Không chỉ tới cuối cùng, Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài vãng sanh Tịnh Độ, mà Phổ Hiền Bồ Tát còn dùng “mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc”, khuyên tất cả các vị Bồ Tát trong hội Hoa Tạng thấy đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy xem cảnh tượng ấy trang nghiêm tới bậc nào! Do vậy, chúng ta mới thật sự hiểu Tịnh Độ là chỗ quy y của toàn bộ Phật pháp. Chẳng niệm Phật, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quá đáng tiếc!

Trong lời mi chú⁶ cho kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã phê mấy câu. Vì thầy thấy trong kinh có nói: Bồ Tát đã cúng dường bốn trăm ức trong đời quá khứ, con số ấy thật là phi phạm! Cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn mê khi cách âm, vẫn bị thoái chuyển, điều này đáng sợ quá! Tuy có cái nhân xa xôi, trong tương lai đương nhiên họ vẫn có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng nhiều kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, chịu khổ rất oan uổng. Vì thế, cuối cùng, lão nhân gia nhận định: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng ngu, ắt cuồng*”, quý vị chẳng phải là kẻ ngu thì cũng là cuồng vọng! Lời này chẳng sai tí nào!

(Sớ) Xướng giả, đạo dã, canh giả, tục dã. Thỉ xướng giả, Thích Ca khai thị Tây Phương, chúng sanh thỉ tri Tịnh nghiệp, thị dẫn nhi đạo chi dã.

(疏)唱者導也，廣者續也。始唱者，釋迦開示西方，眾生始知淨業，是引而導之也。

(Sớ: “Xướng” là hướng dẫn. “Canh” là tiếp nối. “Đề xướng đầu tiên”: Đức Thích Ca khai thị cõi Tây Phương, chúng sanh mới biết đến Tịnh nghiệp, đây là hướng dẫn vậy).

Trong hội Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói đến Tây Phương Tịnh Độ; nhưng trong hội Di Đà, hội Vô Lượng Thọ, hội Quán Vô Lượng Thọ chuyên giảng Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyên giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ. “*Chúng sanh thỉ tri Tịnh nghiệp*”: Chúng ta mới biết; nhưng [trong số các bộ] kinh Phật truyền đến Trung Quốc thì

⁶ Mi chú: Ghi chú ở trên đầu mỗi câu hay mỗi đoạn của chánh kinh.

kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến sớm nhất. Khi ngài An Thế Cao tới Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ đã được truyền đến. Hơn nữa, ngài An Thế Cao còn dịch sang tiếng Hán, rất đáng tiếc là bản này đã thất truyền.

(Sớ) *Đồng canh giả, lục phương tán thán. Tường như kinh văn trung thuyết, thị tục nhi hòa chi dã.*

(疏)同慶者，六方讚歎。詳如經文中說，是續而和之也。

(Sớ: “Đồng canh” (cùng tiếp nối) là sáu phương tán thán như trong kinh văn đã nói cận kề, đó là nối tiếp phụ họa theo).

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Tây Phương Tịnh Độ, sáu phương Phật tán thán, khuyên chúng ta học tập.

(Sớ) *Tam học giả vi Thiên, Giáo, Luật tam tông dã.*

(疏)三學者，謂禪教律三宗也。

(Sớ: “Tam học” là ba tông Thiên, Giáo, Luật).

“Tam Học” là Thiên, Giáo, Luật. Nói thật ra, ngoài Tịnh Độ Tông ra, [từ ngữ Tam Học] bao quát toàn bộ các tông phái, Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức đều gộp trong một chữ Giáo.

(Sớ) *Thiền, như Vĩnh Minh, dĩ Tông môn trụ thạch, nhi thượng thượng phẩm sanh.*

(疏)禪，如永明，以宗門柱石，而上上品生。

(Sớ: Thiền như ngài Vĩnh Minh là bậc thạch trụ trong nhà Thiền, mà thượng thượng phẩm vãng sanh).

Đây là nói tới Thiền Tông. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ trước đó cũng học Thiền, là bậc đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông, quay về niệm Phật, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông. Theo truyền thuyết, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là A Di Đà Phật tái lai. Ngài có viết một bộ sách lớn là Tông Kính Lục một trăm quyển lưu truyền đời sau; ngoài ra, còn có Vạn Thiện Đồng Quy Tập. Theo truyện ký ghi chép, sau khi pháp sư vãng sanh, có một vị xuất gia đối trước tháp của Ngài lễ bái, đi nhiều,

suốt cả năm đều làm như vậy, chẳng chịu rời đi. Có người hỏi thầy ấy: “Vì sao thầy lễ tháp ở nơi này?” Nhà sư ấy cho biết đã từng chết một lần, gặp vua Diêm La, thấy trong đại điện của vua Diêm La treo một bức tượng vẽ. Trước khi vua Diêm La sắp thăng điện đều đến trước tượng lạy ba lạy. Sư bèn hỏi người bên cạnh: “Đấy là hình của ai vậy?” Người khác bảo: “Đó là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư”. Nói chung, thọ mạng của Sư vẫn chưa hết, vua Diêm La cho trở về. Sau khi sống lại, Sư đi hỏi dò khắp nơi xem có ai là Vĩnh Minh Diên Thọ hay không? Nghe nói quả nhiên có một vị như vậy, Sư đối trước tháp của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư hằng ngày lễ bái, đi nhiều, bảo: “Vua Diêm La cung kính đại sư, [lễ nào ta không cung kính]”. Hơn nữa, trong cõi Âm còn cho biết ngài Vĩnh Minh Diên Thọ thượng thượng phẩm vãng sanh. Thượng thượng phẩm là từ nơi ấy mà truyền ra, chứ trong truyện ký không nói!

(Sớ) Viên Chiếu dĩ độc bình đơn truyền, nhi tiêu danh liên cảnh.

(疏) 圓照以獨秉單傳，而標名蓮境。

(Sớ: Ngài Viên Chiếu riêng giữ phép đơn truyền, mà tên ghi nơi cảnh sen).

Đời Tống, thiền sư Viên Chiếu sau khi đại triệt đại ngộ nơi Thiên Tông, quay về niệm Phật. “*Tiêu danh liên cảnh*”: Khi ấy, tại chùa Tư Phước có một vị xuất gia tới lễ dưới tòa của pháp sư Viên Chiếu. Sau khi lễ bái, còn bỏ tiền cúng dường. Pháp sư ấy là một vị đại pháp sư hết sức nổi tiếng, tư cách, địa vị đều cao hơn Chiếu pháp sư (ngài Viên Chiếu). Do vậy, mọi người cảm thấy lạ lùng, hỏi: “Vì sao Ngài đến lễ Sư? Lại còn cúng dường Sư nữa?” Vị ấy cho biết: Trong Thiên Định, ông ta thấy thế giới Tây Phương. Trên hoa sen trong thế giới Tây Phương có khắc tên họ pháp sư Viên Chiếu. Vì thế, ông ta biết Sư trong tương lai quyết định vãng sanh, nên đặc biệt đến lễ dưới tòa, cúng dường.

(Sớ) Giáo như Tăng Duệ hoàng phụ Thập sư, nhi liên hoa xuất tháp.

(疏) 教，如僧叡弘輔什師，而蓮華出榻。

(Sớ: Giáo thì như ngài Tăng Duệ giúp ngài La Thập hoàng truyền, giường nảy hoa sen).

Đây là nói về Giáo Hạ. Tăng Duệ là một người lỗi lạc, Ngài là một trong bốn đại đệ tử của Cưu Ma La Thập đại sư⁷. Khi ấy, Ngài giúp Cưu Ma La Thập đại sư dịch kinh, học vấn, đạo đức vô cùng tốt đẹp. Sau khi pháp sư La Thập vãng sanh, ngài Tăng Duệ sang Lô Sơn theo Huệ Viễn đại sư niệm Phật. Ngài cũng biết trước lúc mất, khi mất báo trước với mọi người khi nào Ngài sẽ ra đi. Ngài hướng về Tây, chấp tay mà tịch. Mọi người thấy trước cái giường Ngài đang ngồi có một đóa sen vàng, chột ả, chột hiện, lại còn có mây mù ngũ sắc từ phòng Ngài chậm chậm trôi ra. Đây là tướng lành vãng sanh.

(Sớ) Tứ Minh trung hưng Thai giáo, nhi Tây hướng tọa vong.

(疏) 四明中興台教，而西向坐亡。

(Sớ: Ngài Tứ Minh trung hưng giáo nghĩa Thiên Thai, ngồi hướng mặt về Tây mà tịch).

Tứ Minh tôn giả chú sớ rất nhiều, là bậc đại sư trung hưng tông Thiên Thai. Lúc lâm chung, Ngài cũng niệm Phật, mặt hướng về phía Tây ngồi mất, chẳng đau khổ, biết trước lúc mất.

(Sớ) Luật như Linh Chi, sanh hoằng Tỳ Ni, nhi tử sanh An Dưỡng.

(疏) 律，如靈芝，生弘毗尼，而死生安養。

(Sớ: Luật như Linh Chi, sống hoằng dương Luật Tạng, thác sanh An Dưỡng).

Đây là người học giới luật. Linh Chi Luật Sư suốt đời hoằng dương giới luật, nhưng chính mình niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Thanh Chiếu đại xiển Luật học, nhi thuyết kệ Tây quy.

(疏) 清照大闡律學，而說偈西歸。

(Sớ: Ngài Thanh Chiếu xiển dương Luật học rộng lớn, nói kệ về Tây).

⁷ Ngài Cưu Ma La Thập có bốn đại đệ tử là Đạo Sanh, Tăng Triệu, Đạo Dung, và Tăng Duệ.

Đời Tống, Thanh Chiêu Luật Sư là học trò của Linh Chi Luật Sư. Tuy Ngài suốt đời hoằng dương giới luật, nhưng chính Ngài niệm Phật sáu mươi năm. Khi lâm chung, nói một bài kệ: “*Di Đà khẩu khẩu xưng*”, xưng niệm, “*bạch hào niệm niệm tướng*”, thường tưởng tượng bạch hào của A Di Đà Phật tỏa ánh sáng, “*trì thủ bất thoái tâm*”, chỉ cần quý vị niệm Phật, tưởng Phật không ngã lòng, “*quyết định sanh An Dưỡng*”, An Dưỡng là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói xong, Ngài vãng sanh.

(Sớ) Nhược quảng cử giả, bất khả thắng số.

(疏) 若廣舉者，不可勝數。

(Sớ: Nếu kể rộng rãi thì chẳng kể xiết).

Nếu nói rộng rãi sẽ nhiều lắm, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, các bộ truyện ký vãng sanh ghi chép [các nhân vật] trải các đời hết sức nhiều!

(Sớ) Cửu lưu giả, vị Nho, Đạo, nông, công, y, bốc đẳng dã.

(疏) 九流者，謂儒道農工醫卜等也。

(Sớ: “Cửu lưu” là Nho, Đạo, nông dân, thợ thuyền, thầy thuốc, thầy bói v.v...)

Người trong tam giáo cửu lưu⁸ niệm Phật vãng sanh cũng hết sức đông đảo!

⁸ Từ ngữ “tam giáo cửu lưu” hay gọi tắt là “cửu lưu” phiếm chỉ các tông phái học thuật và tôn giáo của xã hội Trung Quốc thời cổ. Thoạt đầu, cửu lưu gồm:

1. Nho gia.

2. Đạo gia.

3. Âm Dương gia: Chuyên nghiên cứu Âm Dương, Ngũ Hành, đại biểu xuất sắc của học thuyết này là Trâu Diễn, Đổng Trọng Thư. Âm Dương Gia thịnh hành nhất vào thời Ngụy - Tấn, đến đời Đông Hán, kết hợp với tư tưởng Đạo gia trở thành Hoàng Lão Học Phái.

4. Pháp gia: Chuyên đề xướng quân chủ tập trung, trị dân bằng pháp luật nghiêm ngặt, không từ thủ đoạn chính trị nào, nên còn gọi là Bá Đạo. Các nhân vật tiêu biểu của phái này gồm Thương Ưởng, Quản Tử, Tử Sản, Hàn Phi, Lý Tư, Thân Bất Hại, Thận Đáo...

5. Danh gia: Chuyên biện định Danh và Thực, nặng về lý luận, nhiều khi trở thành ngụy biện như Công Tôn Long chủ trương “ngựa trắng không phải là ngựa, đá cứng

(Sớ) Nho, như Văn Lộ Công, đức nghiệp mãn triều, nhi kết thập vạn đồng sanh chi duyên.

(疏) 儒，如文潞公，德業滿朝，而結十萬同生之緣。

(Sớ: Nho như Văn Lộ Công đức hạnh công nghiệp trùm khắp triều đình, [để xướng hội niệm Phật] kết duyên vãng sanh với một vạn người).

Đây là Văn Ngạn Bác, Tể Tướng đời Tống, vị này cũng niệm Phật vãng sanh.

(Sớ) Tô Trưởng Công, văn hạnh tuyệt thế, nhi hữu Tây Phương Công Cứ chi thuyết.

(疏) 蘇長公，文行絕世，而有西方公據之說。

(Sớ: Tô Trưởng Công văn chương, hạnh nghiệp tuyệt thế, có câu nói “Tây Phương Công Cứ”).

Chữ 長 phải đọc âm “Zhǎng” (âm Hán Việt là Trưởng), là anh cả. Tô Trưởng Công là Tô Đông Pha. Tô Đông Pha có ba anh em⁹, ông ta là anh cả, nên người đời sau gọi ông ta là Trưởng Công. Tô Đông Pha mỗi khi đến một nơi nào, đều đem theo một bức tượng vẽ A Di Đà Phật. Người ta hỏi ông ta: “Đây là gì vậy?” Ông ta nói: “Đây là công cứ để

không phải là đá”. Các đại biểu chủ yếu của phái này là Công Tôn Long, Doãn Văn, Đặng Tích, Huệ Thi v.v...

6. Mặc gia: Những người theo thuyết Kiêm Ái của Mặc Dịch.

7. Tung Hoàn gia: Chủ trương liên kết hay chia rẽ các quốc gia để đạt được mục tiêu chính trị, các nhân vật tiêu biểu là Tô Tần, Trương Nghi, Cam Mậu, Nhạc Nghị, Phạm Chuy, Mao Toại v.v...

8. Tạp gia: Không chuyên một đường lối nào.

9: Nông gia: Chủ trương phát triển, nghiên cứu nông nghiệp.

Từ cách hiểu ban đầu này, về sau phát triển thành ba loại cửu lưu, nhằm phân loại các nghề nghiệp trong xã hội:

1. Thượng cửu lưu: như đế vương, thánh hiền, văn nhân, vũ sĩ, nông dân, thợ thuyền, thương nhân.

2. Trung cửu lưu: học trò, thầy thuốc, thầy bói, họa sĩ, người chép thuê, tăng, ni, đạo sĩ.

3. Hạ cửu lưu: sư gia (người hầu ghi chép án tử hoặc cố vấn, tham mưu cho quan lại), sai nha, bà mối, đầy tớ sai vặt, trộm cắp, kỹ nữ v.v...

⁹ Tô Đông Pha tên thật là Tô Tuân, em trai là Tô Triệt (còn gọi là Tô Tử Do, hay Đinh Tân Di Lão) và Tô Tiểu Muội đều nổi tiếng về văn tài.

sanh về Tây Phương của ta”. Từ ngữ “*Tây Phương công cử*” do ông ta nói ra đầu tiên. Trên thực tế, ông ta trọn chẳng vãng sanh, vì sao chẳng thể vãng sanh? Tập khí văn học quá nặng, gây chướng ngại. Sở Tri Chướng quá nặng, cho nên ông ta chẳng thể vãng sanh.

(Sớ) Đạo như Cát Tế Chi xả Tiên học nhi hồi tâm Tịnh nghiệp.

(疏) 道，如葛濟之捨仙學而回心淨業。

(Sớ: Đạo như Cát Tế Chi bỏ đạo Tiên, hồi tâm tu Tịnh nghiệp).

Cát Tế Chi đời Tống, [theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục] “*Cú Dung nhân, cứu sự Tiên học*” (người xứ Cú Dung, theo học đạo Tiên đã lâu). Ông ta là người Giang Tây, lúc đầu học Đạo (tu Tiên). Vợ ông ta là người niệm Phật. Có một năm, bà vợ đang dệt vải, bỗng nhiên thấy A Di Đà Phật và Quán Âm, Thế Chí, hải hội đại chúng đều hiện trên không trung. Bà vợ vội lễ bái, lại còn chỉ lên trời bảo Cát Tế Chi hãy xem, chính ông ta thấy A Di Đà Phật hiện nửa thân, nên tin tưởng, chẳng học Đạo nữa, mà chuyên môn niệm Phật. Có câu chuyện như vậy!

(Sớ) Loan pháp sư phân Tiên kinh nhi chuyên tu Quán Kinh.

(疏) 鸞法師焚仙經而專修觀經。

(Sớ: Pháp sư Đàm Loan đốt kinh Tiên để chuyên tu Quán Kinh).

Vào thời đại Hậu Ngụy¹⁰, ngài Đàm Loan là một vị đại sư lỗi lạc trong Tịnh Độ Tông, ham thích trường sinh bất lão, nên học Đạo từ nhỏ, tu Tiên. Về sau, Sư gặp một vị cao tăng từ Ấn Độ tới Trung Quốc là ngài Bồ Đề Lưu Chi, vị pháp sư này cũng phiên dịch không ít kinh điển. Ngài Đàm Loan bèn hỏi pháp sư: “Trong Phật giáo có phương pháp trường sinh bất tử hay chẳng?” Ngài Bồ Đề Lưu Chi nói: “Trường sinh bất tử chỉ riêng Phật giáo có, trừ Phật giáo ra, đâu có gì thật sự là trường sinh bất tử?” Sư nghe nói, tin tưởng. Do vậy, ngài Bồ Đề Lưu Chi bèn trao cho Sư một quyển Thập Lục Quán Kinh, tức là Quán Vô Lượng Thọ

¹⁰ Hậu Ngụy là từ ngữ gọi chung các triều đại mang hiệu Ngụy (như Đông Ngụy, Bắc Ngụy, Tây Ngụy) sau nhà Tào Ngụy (do Tào Phi sáng lập). Ngài Đàm Loan sanh năm 476 nhằm năm đầu niên hiệu Thừa Minh đời Hiếu Văn Đế nhà Bắc Ngụy (còn gọi là Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê sáng lập), viên tịch năm Hưng Hòa thứ tư (542) đời Hiếu Tĩnh Đế nhà Đông Ngụy (do Nguyên Thiện Kiến chất của Ngụy Hiếu Văn Đế sáng lập dưới sự ủng hộ của Cao Hoan).

Phật Kinh, dặn Sư hãy chiếu theo phương pháp ấy tu học. Sư đốt sạch những kinh tu Tiên trước kia, chuyên tu Thập Lục Quán Kinh, tu thành công. Pháp sư Đế Nhân có chú giải Thập Lục Quán Kinh, dựa theo bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao¹¹ để chú giải. Diệu Tông Sao rất sâu, người sơ học chẳng dễ gì đọc hiểu được! Pháp sư Đế Nhân là tổ sư trong tông Thiên Thai, hóa sâu thành đơn giản, dễ hiểu, kẻ sơ học đọc đến đều hiểu được!

(Sớ) Nãi chí Tử Chương chi nghiệp Kỳ Hoàng nhi niệm Phật.

(疏) 乃至子章之業岐黃而念佛。

(Sớ: Cho đến Tử Chương theo nghề y¹², nhưng niệm Phật).

Đời Nguyên, Ngô Tử Chương làm thầy lang chữa bệnh, suốt đời niệm Phật; khi lâm chung chẳng ngã bệnh, niệm Phật qua đời.

(Sớ) Trương Thuyên Chi hà lỗi tỹ nhi xưng danh.

(疏) 張銓之荷耒耜而稱名。

(Sớ: Trương Thuyên Chi vác cày xưng danh).

Đời Tấn, Trương Thuyên Chi là nông phu cày ruộng. Ông ta là người đọc sách, hết sức thanh cao, không muốn làm quan, quay về nhà cày cấy. Tuy làm ruộng, ông ta thường mang theo kinh sách, để trong lúc nghỉ tay cày bừa sẽ đọc kinh Phật. Về sau, ông ta cũng tham dự Lô Sơn liên xã của Huệ Viễn đại sư. Mỗi người trong liên xã niệm Phật vãng sanh đều biết trước lúc mất, không bệnh tật, qua đời.

(Sớ) U như minh quân kính lễ.

(疏) 幽如冥君敬禮。

(Sớ: “U” là như vua cõi Âm kính lễ).

Vua Diêm La lễ tượng thiên sư Vĩnh Minh Diên Thọ.

¹¹ Ở đây, nguyên văn ghi lầm thành “Diệu Trung Sao”, có lẽ do người ghi lại văn tự đã nghe lầm chữ Tông thành Trung vì trong tiếng Quan Thoại hai chữ này đọc hơi giống nhau.

¹² Kỳ Hoàng là gọi tắt của Kỳ Bá và Hoàng Đế, hai người được coi là tổ của y học Trung Quốc. Do đó, “nghiệp Kỳ Hoàng” là học nghề thuốc, hành y.

(Sớ) La Sát hưu tâm.

(疏) 羅刹休心。

(Sớ: La Sát nguôi lòng).

Trong phần trước đã nhắc tới câu chuyện này. Quỷ La Sát muốn ăn thịt người, khiến cho người nơi ấy ai nấy đều hoảng sợ, chẳng yên ổn. Do vậy, quốc vương ước định với quỷ La Sát, mỗi ngày trao cho quỷ ăn thịt một người. Mỗi nhà luân phiên, như vậy thì mọi người mới yên dạ đôi chút. Có một ngày, nhà nọ chỉ có đứa con độc nhất, cả nhà người ấy niệm Phật. Luân lưu đến phiên, chỉ đành đem đứa con nhỏ giao cho quỷ La Sát. Khi đưa đi, cha mẹ lại dặn con hãy nhất tâm niệm Phật, niệm Phật nhất định đừng để gián đoạn. Vì thấy nó niệm Phật, quỷ La Sát chẳng dám tới gần, nên chẳng có cách nào xơi nó được! Ngày hôm sau, người nhà thấy nó vẫn còn sống, hỏi nguyên do? Nó nói: “Quỷ La Sát đến rồi lại đi!” Không chỉ bỏ đi, mà từ đây về sau, quỷ La Sát chẳng quấy nhiễu! Niệm Phật có thể khiến cho quỷ thần lánh xa, chẳng dám léo hánh, chẳng dám quấy nhiễu, sức mạnh của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị phải chí tâm xưng niệm! Quý vị vừa niệm Phật vừa dấy vọng tưởng, sẽ chẳng có sức mạnh, quỷ La Sát trông thấy vẫn có thể bắt nạt quý vị vì tâm quý vị chẳng chân thành! Miệng có, tâm không, Phật hiệu chẳng linh, tâm và miệng phải giống hệt như nhau!

(Sớ) Thánh.

(疏) 聖。

(Sớ: Thánh).

Nói tới thánh nhân.

(Sớ) Như Văn Thù cầu sanh, Phổ Hiền nguyện vãng.

(疏) 如文殊求生，普賢願往。

(Sớ: Như Văn Thù cầu được sanh về, Phổ Hiền nguyện được về tới).

Kinh Hoa Nghiêm nói Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát cầu sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Huống hiển dĩ phàm, bất đãi luận hĩ.

(疏) 況顯與凡，不待論矣。

(Sớ: Huống hồ hiển và phàm, chẳng cần phải nói nữa).

“Huống” là huống chi, “hiển” (người trong cõi dương gian), “phàm” (phàm phu) chẳng cần phải nói nữa!

(Sớ) Triều Đông giả, hội cực nghĩa.

(疏) 朝東者，會極義。

(Sớ: Xuôi về Đông, có nghĩa là quy tụ về nơi cùng tốt).

Câu này nhằm giải thích câu “*như vạn thủy vô bất triều Đông*” (như muôn dòng, chẳng dòng nào không xuôi về Đông). Địa hình Trung Quốc, phía Đông là Thái Bình Dương, tất cả các con sông đều chảy về phía Đông.

(Sớ) Cung Bắc giả, tông bản nghĩa.

(疏) 拱北者，宗本義。

(Sớ: Châu về phương Bắc, nghĩa là đề cao cái gốc).

Sao Bắc Cực (Pole star, North star) trên trời được dùng để xác định phương hướng, vì nó di động với biên độ nhỏ nhất.

(Sớ) Dụ Tịnh Độ vi Chân Tế sở nghệ, thế tất hướng vãng.

(疏) 喻淨土為真際所詣，勢必向往。

(Sớ: Sánh ví Tịnh Độ là chỗ để Chân Tế quay về, thế tất phải hướng tới).

Chân Tế là chân lý; đó gọi là “*thù đồ đồng quy*” (khác đường nhưng về cùng một chỗ), không gì chẳng quy hướng Tịnh Độ.

(Sớ) Phi cưỡng chi sử nhiên dã.

(疏) 非強之使然也。

(Sớ: Chẳng phải do cưỡng ép mà thành ra như vậy).

Đây chẳng phải là miễn cưỡng, là chuyện thực tại, chẳng miễn cưỡng tí nào.

(Sớ) Tiếp kính, phổ môn, giải kiến tiền văn.

(疏) 捷徑普門，解見前文。

(Sớ: Xem lời giải thích của “đường tắt” và Phổ Môn trong phần trước).

Trong phần trước đã nói, pháp môn Niệm Phật thẳng tắt nhất trong hết thảy các pháp môn, nhanh chóng nhất, chẳng có pháp môn nào nhanh hơn pháp môn này. Do vậy, Niệm Phật cũng được gọi là Phổ Môn.

(Sớ) Trùng ngôn kết chí, minh bất hư dã.

(疏) 重言結之，明不虛也。

(Sớ: Lập lại để kết luận thì rõ ràng [pháp môn này] chẳng hư luống vậy).

Đây là nhắc lại lần nữa để kết luận khuyên lơn: Pháp môn Niệm Phật chân thật, chẳng dối, chúng ta ngàn vạn phần đừng để luống qua!

(Sớ) Quyết chí giả, Đại Bản vân: “Thiết hữu đại hỏa, sung mãn tam thiên đại thiên thế giới, yếu đương quá thử, sanh bỉ quốc độ, tác quyết định kỳ chí, vô thoái khiếp dã”.

(疏) 決志者，大本云：設有大火，充滿三千大千世界，要當過此，生彼國土，則決定其志，無退怯也。

(Sớ: “Quyết chí” là như kinh Đại Bản chép: “Nếu có lửa lớn đầy đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, cũng phải vượt qua, sanh về cõi ấy, quyết định ý chí, chẳng lui sụt, khiếp nhược”).

Quý vị phải hạ quyết tâm kiên định, phải lập chí hướng này: Trong đời này, ta nhất định sanh về Tịnh Độ! Đã đặt vững quyết tâm ấy, quý vị phải biết: Hết thảy muôn duyên thế gian và xuất thế gian đều phải buông xuống. Hễ có chuyện gì quý vị chẳng buông xuống được, sẽ

chẳng thể vãng sanh. Chuyện ấy là chướng ngại to lớn của chính mình, mà cũng khiến cho chính mình suốt đời tiếc nuối. Không chỉ là tiếc nuối một đời, mà là đời đời kiếp kiếp tiếc nuối. Pháp môn này chẳng dễ gì gặp gỡ! Bài Khai Kinh Kệ có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*”, chẳng giả tí nào! Do vậy, khuyến khích quý vị hạ vững quyết tâm, lập chí hướng chắc chắn. Trừ pháp môn này ra, ta tạm thời buông các pháp môn khác xuống, chẳng tu. Trừ bộ kinh điển này ra, những kinh điển khác cũng buông xuống, ta tạm thời chẳng niệm. Xem trong những phần trước, người ta suốt đời niệm kinh Di Đà, niệm mấy chục vạn biên. Nếu chúng ta buông những chuyện khác xuống, chúng ta sẽ có thể đạt được những thành tựu giống như cỏ nhân.

(Sớ) Nghĩ nghị giả.

(疏) 擬議者。

(Sớ: Toan tính, bàn định...)

“Nghĩ” (擬) là hoài nghi.

(Sớ) Dịch viết: “Nghĩ chi nhi hậu ngôn, nghị chi nhi hậu động”.

Kim vị bất tu nghĩ nghị.

(疏) 易曰：擬之而後言，議之而後動。今謂不須擬議。

(Sớ: Kinh Dịch dạy: “Toan tính rồi mới nói, bàn định rồi mới hành động”. Nay nói chẳng cần phải bàn khoăn, bàn định nữa).

Chẳng cần phải suy tính, bàn định, mà hãy mau hạ quyết tâm.

(Sớ) Tích nhân hữu ngôn: “Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc”.

(疏) 昔人有言：卜以決疑，不疑何卜。

(Sớ: Xưa kia có người nói: “Bói toán để dứt lòng nghi hoặc, nếu chẳng nghi hoặc thì bói để làm gì?”)

Đây là chuyện thời Đường Thái Tông. Chúng ta căn bản là chẳng có hoài nghi, chẳng cần phải bói toán!

(Sớ) Niệm Phật vãng sanh, dẫn để tín bất nghi nhi dĩ, hà phục nghĩ nghị vi tai.

(疏) 念佛往生，但諦信不疑而已，何復擬議為哉。

(Sớ: Niệm Phật vãng sanh chỉ nên tin tưởng chắc chắn, chẳng nghi ngờ mà thôi, cần gì phải băn khoăn, bàn định nữa u?)

Chớ nên hoài nghi, chớ nên thảo luận, hãy mau hạ quyết tâm niệm Phật, nhất định thành tựu trong một đời này. Hôm nay đã hết thời gian rồi.